

Số: 185 /TTr-HNS

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2018

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Kim khí Hà Nội đã được thông qua lần đầu tại Đại hội đồng cổ đông năm 2005 và sửa đổi, bổ sung 5 lần tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, năm 2010, năm 2013, năm 2014 và năm 2016.

Để Điều lệ của Công ty phù hợp với những thay đổi của Pháp luật Nhà nước đối với các Công ty đại chúng mới được ban hành năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty lần 6.

(Kèm theo có Bảng tổng hợp những sửa đổi bổ sung cơ bản so với Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua và dự thảo Điều lệ Công ty).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục có liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UV HĐQT
- BKS
- Lưu: VT, TK Cty.



Nguyễn Thị Thu Hiền

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI-VNSTEEL

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

*Hà Nội, tháng 4/2018*

3  
Y  
1  
NỘ  
L  
PH

**MỤC LỤC**

	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b>	<b>3</b>
<b>Chương I</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
Điều 1	Giải thích thuật ngữ	3
<b>Chương II</b>	<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>4</b>
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3	Ngành nghề kinh doanh của Công ty	4
Điều 4	Nguyên tắc, cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty	5
Điều 5	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
Điều 6	Quy định về con dấu Công ty	5
<b>Chương III</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b>	<b>5</b>
Điều 7	Vốn điều lệ và cổ phần	5
Điều 8	Cổ phiếu	6
Điều 9	Sổ đăng ký cổ đông	7
Điều 10	Chào bán cổ phần	7
Điều 11	Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 12	Thừa kế cổ phần	8
Điều 13	Thu hồi cổ phần	9
Điều 14	Phát hành trái phiếu, cổ phiếu	9
<b>Chương IV</b>	<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</b>	<b>10</b>
Điều 15	Quyền của cổ đông	10
Điều 16	Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 17	Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 18	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 20	Đại diện được ủy quyền	14
Điều 21	Chương trình, nội dung và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 22	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 24	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 25	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 26	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 27	Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
<b>Chương V</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>21</b>
Điều 28	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 29	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 30	Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 31	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	25

<b>Chương VI</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>	<b>2</b>
Điều 32	Tổ chức bộ máy quản lý	2
Điều 33	Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc	2
Điều 34	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	2
Điều 35	Thư ký Công ty	3
<b>Chương VII</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>3</b>
Điều 36	Thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 37	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	3
<b>Chương VIII</b>	<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</b>	<b>3</b>
Điều 38	Trách nhiệm của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty	3
Điều 39	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	3
Điều 40	Trách nhiệm về bồi thường và thiệt hại	3
<b>Chương IX</b>	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>3</b>
Điều 41	Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên CSHCM	3
Điều 42	Công nhân viên và công đoàn	3
<b>Chương X</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY</b>	<b>3</b>
Điều 43	Các đơn vị trực thuộc và Công ty con, Công ty liên kết của Công ty	3
Điều 44	Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện vốn góp của Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết	3
<b>Chương XI</b>	<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>38</b>
Điều 45	Phân phối lợi nhuận	38
<b>Chương XII</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN</b>	<b>39</b>
Điều 46	Tài khoản ngân hàng	39
Điều 47	Năm tài chính	40
Điều 48	Chế độ kế toán	40
Điều 49	Kiểm toán	40
<b>Chương XIII</b>	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	<b>41</b>
Điều 50	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	41
Điều 51	Báo cáo thường niên	42
<b>Chương XIV</b>	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>41</b>
Điều 52	Chấm dứt hoạt động	41
Điều 53	Thanh lý	42
<b>Chương XV</b>	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>42</b>
Điều 54	Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
<b>Chương XVI</b>	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>43</b>
Điều 55	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
Điều 56	Hiệu lực của Điều lệ	43

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động (sau đây viết tắt là Điều lệ) của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-Vnsteel được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2018.

### CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-Vnsteel quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-Vnsteel (sau đây viết tắt là Điều lệ Công ty).

1.2. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết tắt là Việt Nam) thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

1.3. "Ngày thành lập" là ngày Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-Vnsteel (sau đây viết tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

1.4. "Cán bộ quản lý" là người giữ các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT), thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được HĐQT phê chuẩn, có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

1.5. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

1.6. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại mục 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

1.7. "Người nội bộ của Công ty" là: Thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty; Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, người phụ trách kế toán; Người được ủy quyền công bố thông tin.

1.8. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ) của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

1.9. "Cổ phần phổ thông" là cổ phần thông thường do Công ty phát hành.

1.10. "Cổ đông phổ thông" là người sở hữu cổ phần phổ thông.

001  
ÔN  
CỔ  
KI  
VNI  
VGI

2. Trong Điều lệ Công ty, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

## CHƯƠNG II

### TÊN, TRỤ SỞ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CON DẤU VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### **Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL
- Tên tiếng Anh: VNSTEEL - HANOI STEEL CORPORATION
- Tên viết tắt: HNSTEEL

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: (84 - 4) 38.521.115

Fax: (84 - 4) 38.523.851 / 38524155

Website : [www.hns.com.vn](http://www.hns.com.vn); [www.hnsteel.com.vn](http://www.hnsteel.com.vn)

E-mail : [hns@hns.com.vn](mailto:hns@hns.com.vn)

4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu kinh doanh phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

#### **Điều 3: Ngành, nghề kinh doanh của Công ty**

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

1.1. Kinh doanh: Các loại sản phẩm gang, thép, nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành thép, khoáng sản (quặng sắt, than, đá vôi...); các loại vật tư tổng hợp; máy móc thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, bốc xếp, san ủi phục vụ sản xuất, xây dựng và khai thác mỏ; vật liệu xây dựng.

1.2. Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim loại.

1.3. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, logistic, khai thuê hải quan, cho thuê văn phòng; kinh doanh bất động sản, nhà ở, khách sạn, dịch vụ siêu thị và hàng hoá tiêu dùng; kinh doanh dịch vụ thể thao, ăn uống, du lịch.

1.4. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh và các dịch vụ đại lý, ký gửi các mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của Công ty.

1.5. Kinh doanh các mặt hàng khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Không ngừng phát triển trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

3.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

3.2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 4. Nguyên tắc, cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty**

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tuân thủ pháp luật và quy định của Điều lệ này.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

2.1. Đại hội đồng cổ đông;

2.2. Hội đồng quản trị;

2.3. Ban kiểm soát (sau đây viết tắt là BKS);

2.4. Tổng giám đốc điều hành (sau đây viết tắt là Tổng giám đốc).

#### **Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết, quyết định của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về các quyết định của mình.

#### **Điều 6. Quy định về con dấu Công ty**

1. Công ty chỉ có một con dấu và được giao cho Tổng giám đốc quản lý, sử dụng. Con dấu của Công ty hình tròn, mực sử dụng màu đỏ, chính giữa khắc tên Công ty, viền tròn khắc mã số doanh nghiệp của Công ty và tên quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội là nơi Công ty đặt trụ sở.

2. Công ty chỉ được sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và nhận được Thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu doanh của cơ quan đăng ký kinh doanh. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

3. Con dấu của Xí nghiệp, Chi nhánh trực thuộc Công ty do Công ty khắc, giao Xí nghiệp, Chi nhánh quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

036  
T  
HÀ  
HÀ  
T  
A-T

### CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

#### Điều 7: Vốn điều lệ và cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền hoặc bằng hiện vật, được hạch toán theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam. Mọi cổ đông của Công ty phải đảm bảo rằng tài sản mà họ góp vào Công ty là tài sản hợp pháp và không phải là đối tượng đang bị tranh chấp hoặc kiện tụng.
2. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là chín mươi tỷ (90.000.000.000) đồng Việt Nam và được chia thành chín triệu (9.000.000) cổ phần với mệnh giá là mười ngàn (10.000) đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty không được sử dụng để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được ĐHĐCĐ thông qua hợp pháp và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty chỉ có thể tăng, giảm vốn điều lệ hoặc phát hành các loại cổ phần ưu đãi khi được ĐHĐCĐ thông qua hợp pháp trên cơ sở đề xuất của HĐQT và phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại thời điểm phát hành của từng cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
6. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu và các quyền kèm theo trái phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Công ty. Việc phát hành trái phiếu phải được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### Điều 8: Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - 2.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - 2.2. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
  - 2.3. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
  - 2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - 2.5. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;



- 2.6. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- 2.7. Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp cổ phiếu và không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu.
4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

5.1. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

5.2. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng giám đốc Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới. Cổ đông phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

#### **Điều 9: Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như tên, trụ sở của Công ty; tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

#### **Điều 10: Chào bán cổ phần**

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

2.1. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

- 2.2. Chào bán ra công chúng;
- 2.3. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Chào bán cổ phần ra công chúng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. HĐQT quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp theo quy định tại Điều 125 Luật Doanh nghiệp.
5. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

#### **Điều 11: Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Người nhận chuyển nhượng chỉ trở thành cổ đông của Công ty khi đã đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại mục 2 Điều 9 Điều lệ Công ty được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

#### **Điều 12. Thừa kế cổ phần**

1. Thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Pháp luật về Thừa kế và các quy định khác có liên quan. Người thừa kế hợp pháp được thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền. Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có xác nhận công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật. Cổ phần thừa kế có thể được tách riêng cho những người thừa kế theo yêu cầu của tất cả những người này và họ phải trả phí theo quy định của Công ty.
2. Cổ phần của các thành viên HĐQT, BKS và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, BKS và các chức danh quản lý tương ứng.
3. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, thì tổ chức/pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ

của cổ đông cũ phải gửi cho HĐQT Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kế thừa và văn bản cử người đại diện.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

### **Điều 13. Thu hồi cổ phần**

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền chưa trả cùng với lãi suất bằng lãi tiền vay quá hạn lũy kế trên khoản tiền chưa thanh toán đó và những chi phí của Công ty do việc không thanh toán này gây ra. Thông báo ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán.

2. Trường hợp cổ đông không thanh toán toàn bộ số tiền trong thời hạn và địa điểm mà HĐQT yêu cầu, HĐQT sẽ thu hồi toàn bộ số lượng cổ phần đó; trường hợp cổ đông chỉ thanh toán một phần, HĐQT sẽ thu hồi số lượng cổ phần chưa thanh toán. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

3. Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, các cổ phiếu bị HĐQT quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức mặc dù Công ty đã công bố chia cổ tức.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ được giao nộp về Công ty và trở thành tài sản của Công ty và có thể được phân phối lại hoặc xử lý theo phương thức mà HĐQT thấy phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với số lượng cổ phần bị thu hồi nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo mức lãi suất của liên ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. HĐQT có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

### **Điều 14. Phát hành trái phiếu, cổ phiếu**

Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng các nhu cầu về vốn kinh doanh hoặc quy mô hoạt động, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu, trái phiếu như sau:

1. Phát hành cổ phiếu: Công ty sẽ phát hành cổ phiếu mới khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và các điều kiện sau đây:

1.1. Giá trị cổ phiếu phát hành thêm không lớn hơn tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành. Giá trị cổ phiếu được tính theo mệnh giá;

1.2. Tình hình tài chính lành mạnh, có triển vọng phát triển;

1.3. Có phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành được ĐHĐCĐ thông qua;

1.4. Trường hợp cổ phiếu phát hành có tổng giá trị theo mệnh giá vượt 70% vốn điều lệ thì phải có tổ chức bảo lãnh phát hành.

2. Công ty sẽ phát hành trái phiếu ra công chúng khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, tối thiểu phải là các điều kiện sau:

2.1. Có phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu;

2.2. Phải có tổ chức bảo lãnh phát hành.

3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của HĐQT về phát hành trái phiếu.

4. Trường hợp Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

## CHƯƠNG IV CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### **Điều 15: Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông Công ty: Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:

2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

2.2. Nhận cổ tức hàng năm với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;

2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

2.4. Được ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ nắm giữ khi Công ty phát hành thêm cổ phần;

2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

2.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

2.7. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

2.8. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

2.9. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp.

2.10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục 06 tháng trở lên, có các quyền sau:

3.1. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại Điều lệ này;

3.2. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;

3.3. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này;

3.4. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3.5. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

4.1. HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

4.2. Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá 06 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;

4.3. Trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS quy định tại Mục 3.1 Điều này được thực hiện như sau:

5.1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

5.2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều này được quyền đề cử 01 hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

#### **Điều 16: Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Bất kỳ cổ đông nào trước khi tham gia Công ty phải có văn bản cam kết như sau:
  - 5.1. Tán thành Điều lệ Công ty;
  - 5.2. Từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ này trước bất cứ cơ quan tài phán nào. Trong trường hợp chưa có văn bản cam kết mà vẫn cứ tham gia Công ty sẽ được coi như cổ đông đã tán thành Điều lệ và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ trước bất cứ cơ quan tài phán nào.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - 7.1. Vi phạm pháp luật;
  - 7.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - 7.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

#### **Điều 17: Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Họp ĐHĐCĐ bất thường theo triệu tập của HĐQT:
  - 3.1. Các trường hợp HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ
    - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
    - b. Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
    - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này;
    - d. Theo yêu cầu của BKS;
    - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại theo quy định tại Điểm b Mục 3.1 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3.1 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4. Hợp ĐHĐCĐ bất thường theo triệu tập của BKS:

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Nếu BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Hợp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp khác:

Nếu BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:

- 6.1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- 6.2. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- 6.3. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- 6.4. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- 6.5. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- 6.6. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- 6.7. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- 6.8. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này được Công ty hoàn lại.

### **Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 1.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- 1.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- 1.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- 1.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 1.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 1.6. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- 1.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 1.8. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

- 1.9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 1.10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - 2.1. Kế hoạch kinh doanh, tài chính và đầu tư hàng năm của Công ty;
  - 2.2. Báo cáo tài chính năm;
  - 2.3. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT;
  - 2.4. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty và về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc;
  - 2.5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;
  - 2.6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - 2.7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 19. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Pháp luật.

**Điều 20: Đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng thủ tục, mẫu ủy quyền của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - 2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - 2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;



2.3. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

2.4. Nhóm cổ đông có thể thoả thuận và uỷ quyền bằng văn bản cho cổ đông khác hoặc người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho nhóm cổ đông đó. Văn bản uỷ quyền phải có chữ ký và dấu (nếu có) hợp pháp của tất cả các cổ đông trong nhóm và phải nêu rõ phạm vi được uỷ quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó cho người đại diện được uỷ quyền. Việc thay đổi người đại diện của nhóm cổ đông phải được tất cả các cổ đông trong nhóm nhất trí bằng văn bản. Người được uỷ quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông hoặc trường hợp cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thì cổ đông này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo quy định của pháp luật.

5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau:

5.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

5.2. Uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

5.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

5.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### **Điều 21: Chương trình, nội dung và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, nội dung đề xuất đưa vào chương trình Đại hội và phải có chữ ký và dấu hợp pháp (nếu có) của tất cả các cổ đông liên quan.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

3.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

3.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;

3.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;

3.4. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

4. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy

định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

5. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

6. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 22: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

#### **Điều 23: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

##### **1. Đăng ký cổ đông**

1.1. Vào ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

1.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

1.3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến



7.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHCĐ trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, ĐHCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 24: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, mỗi cổ phần tương ứng với một phiếu biểu quyết.
2. Nghị quyết của ĐHCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHCĐ:
  - 2.1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
  - 2.2. Định hướng phát triển Công ty;
  - 2.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - 2.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
  - 2.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - 2.6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - 2.7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Các quyết định sau đây được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - 3.1. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
  - 3.2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
  - 3.3. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - 3.4. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - 3.5. Quyết định giải thể Công ty;
  - 3.6. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 5 Điều này.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên

quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo Quy chế bầu cử.

6. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng văn bản được thực hiện theo quy định sau đây:

6.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

6.2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 19 Điều lệ này.

6.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, địa chỉ thư điện tử

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h. Họ tên, chữ ký Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6.5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

ĐC  
Ô P  
Ô  
KH  
NS  
ĐA

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

g. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

g. Biên bản kiểm phiếu được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Nghị quyết/quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết/quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 25: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội cổ đông phải được lập thành biên bản, có các nội dung chủ yếu sau đây và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

1.2. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;

1.3. Họ, tên người chủ trì Đại hội và Thư ký Đại hội;

1.4. Chương trình và nội dung cuộc họp;

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp các ý kiến phát biểu tại Đại hội cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

1.6. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề được thông qua;

1.7. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

1.8. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

1.9. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

1.10. Họ tên, chữ ký của người Chủ trì Đại hội và Thư ký.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi Biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 26: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

#### **Điều 27. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 28: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- 2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư hàng năm của Công ty;
  - 2.2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
  - 2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý theo đề nghị Tổng giám đốc (việc bãi nhiệm không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm); quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc, việc bầu, từ chức, nghỉ hưu, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT;
  - 2.4. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
  - 2.5. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày của Công ty;
  - 2.6. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - 2.7. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
  - 2.8. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua;
  - 2.9. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định; chấp thuận báo cáo về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty trước khi trình ĐHĐCĐ phê chuẩn; lập báo cáo về hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ;
  - 2.10. Đề xuất mức cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - 2.11. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - 2.12. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - 2.13. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền;
  - 2.14. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- 3.1. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - 3.2. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - 3.3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do



ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

3.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

3.5. Việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

3.6. Các khoản đầu tư vượt quá 10% vốn điều lệ của Công ty và không nằm trong kế hoạch kinh doanh, tài chính và đầu tư đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;

3.7. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

3.8. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

3.9. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

3.10. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

3.11. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Mục 1.4 Điều 18 và Mục 6 Điều 39 Điều lệ này

3.12. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Thành viên HĐQT có quyền trực tiếp hoặc thông qua Thư ký Công ty yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

7. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

**Điều 29. Thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại tại ĐHĐCĐ tiếp theo. HĐQT được bầu bằng thể thức bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Các thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
3. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn sau:
  - 3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại mục 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
  - 3.2. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh cùng ngành nghề hoạt động của Công ty tối thiểu 03 năm; hiểu biết về pháp luật và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty
  - 3.3. Có sức khoẻ và có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có tâm huyết xây dựng Công ty;
  - 3.4. Không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác và không có ngoại trừ;
  - 3.5. Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại mục 1.d Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.
5. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
  - 2.1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
  - 2.2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - 2.3. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;
  - 2.4. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
6. Đề cử thành viên HĐQT:
  - 6.1. Đề cử các thành viên của HĐQT được thực hiện theo quy định tại mục 4 Điều 15 Điều lệ này;

6.2. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ chiếm từ 5% đến dưới 30% tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 01 ứng cử viên; nếu chiếm từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 02 ứng cử viên; nếu chiếm từ 50% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì được quyền đề cử 03 ứng cử viên; và nếu chiếm từ 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên thì được quyền đề cử đủ số ứng cử viên;

6.3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

7. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

7.1. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

7.2. Xin từ nhiệm bằng văn bản;

7.3. Mất năng lực hành vi và/hoặc bị mất năng lực pháp lý;

7.4. Không tham dự các cuộc họp HĐQT liên tục trong vòng 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

7.5. Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;

7.6. Bị bãi miễn theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;

7.7. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;

7.8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

8. HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Thành viên HĐQT được nhận lương, thù lao và tiền thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. HĐQT dự tính mức lương, thù lao, tiền thưởng cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí và do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần theo quyết định của HĐQT. Lương/thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và phải

được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp HĐQT, các tiểu ban của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

10. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 30: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên để bầu Chủ tịch HĐQT bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và phân công các thành viên HĐQT thực hiện;

2.2. Triệu tập và chủ trì Đại hội cổ đông; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các công việc mà HĐQT đã thực hiện; có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi Báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán (nếu có) và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên;

2.3. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

2.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp HĐQT; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của HĐQT;

2.5. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;

2.6. Thay mặt HĐQT ký các quy chế, quyết định, văn bản... thuộc thẩm quyền của HĐQT sau khi đã được HĐQT thông qua;

2.7. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

2.8. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

3. Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền cho một thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp không có người được uỷ quyền vì bất kỳ lý do nào, các thành viên còn lại của HĐQT có thể bổ nhiệm một người trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cho đến khi Chủ tịch HĐQT trở lại hoặc đến ĐHĐCĐ gần nhất.

4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Khi Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

### **Điều 31: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường.

2.1. Họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ 03 tháng một lần. Trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 05 tháng.

2.2. Họp HĐQT bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Chủ tịch HĐQT;
- c. Ít nhất hai thành viên HĐQT;
- d. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý Công ty.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định mục 2.2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

3. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam/ nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

4. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên HĐQT phải được thông báo ít nhất 03 ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp HĐQT phải bao gồm: nội dung chương trình, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự họp, những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

6. Số lượng thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp HĐQT chỉ có thể được tiến hành họp pháp và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên HĐQT dự họp.

7. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:

- 7.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- 7.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại mục 10 Điều này.
- 7.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- 7.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua: Thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ trước

001  
ÔN  
CỔ  
KH  
VNS  
GD

khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

9. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được trên 50% số thành viên dự họp (bao gồm cả thành viên HĐQT vắng mặt có biểu quyết bằng văn bản) đồng ý. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

10. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

11. Hợp bằng điện thoại hoặc các hình thức khác: HĐQT có thể tổ chức họp bằng điện thoại khi các thành viên của HĐQT đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

11.1. Nghe các thành viên HĐQT khác phát biểu trong cuộc họp;

11.2. Phát biểu với tất cả các thành viên HĐQT khác tham dự họp một cách đồng thời.

Các thành viên HĐQT có thể trao đổi trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt trực tiếp tại cuộc họp đó. Địa điểm có nhiều thành viên tham gia nhất hoặc địa điểm mà người chủ trì cuộc họp hiện diện được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Sau khi kết thúc cuộc họp, nếu Biên bản của cuộc họp được tất cả các thành viên HĐQT tham dự họp thống nhất thì các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác sẽ có hiệu lực ngay.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ

13. Biên bản họp HĐQT: Dù được tổ chức họp dưới bất kỳ hình thức nào, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm lập và gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT. Biên bản họp HĐQT là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong

cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Họ, tên, chữ ký của các thành viên tham dự cuộc họp.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

14. Mời họp HĐQT với thành phần mở rộng: Tùy thuộc yêu cầu nội dung của cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc bất thường, ngoài các thành viên HĐQT, BKS, Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập thành phần mở rộng là các cán bộ quản lý của Công ty. Các thành viên tham dự cuộc họp thuộc thành phần mở rộng được tham gia thảo luận và phát biểu ý kiến khi được phép của chủ tọa cuộc họp và không có quyền biểu quyết.

15. Mời họp dự thính: HĐQT có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp HĐQT. Những người được mời họp dự thính không có quyền thảo luận, phát biểu ý kiến hay biểu quyết tại cuộc họp.

## CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

### **Điều 32: Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có 01 Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định và được thông qua một cách hợp thức.

2. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình HĐQT chấp thuận cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của HĐQT vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, luôn luôn mẫn cán trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà HĐQT đề ra.

T  
HÀ  
EE  
T

3. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động ký với Tổng Giám đốc. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của các cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT cũng do HĐQT quyết định nhưng có tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng cán bộ quản lý.

Tiền lương của Tổng giám đốc và Người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

### **Điều 33: Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Tổng Giám đốc có thể được HĐQT xem xét bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tổng Giám đốc điều hành phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

2.1. Không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này;

2.2. Không thuộc các đối tượng quy định tại mục 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

2.3. Không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác;

2.4. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý tổ chức, có năng lực kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của Công ty;

2.5. Có hiểu biết pháp luật;

2.6. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

2.7. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty đó.

3. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

3.1. Không còn đáp ứng được các quy định của Khoản 2 Điều này;

3.2. Có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành việc bãi nhiệm Tổng Giám đốc (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc);

3.3. Mất năng lực hành vi hoặc năng lực pháp lý;

3.4. Vắng mặt liên tục tại Công ty trong vòng 01 tháng mà không được chấp thuận của HĐQT;

3.5. Từ chức bằng văn bản gửi đến HĐQT.

4. Trường hợp Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, HĐQT phải tạm cử người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm chính thức Tổng Giám đốc mới.

### **Điều 34: Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty; điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và quyết định của HĐQT; chịu sự giám sát HĐQT.



2. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

2.1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh, tài chính và đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;

2.2. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

2.3. Kiến nghị HĐQT tổ chức bộ máy quản lý điều hành Công ty và số lượng cán bộ quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

2.5. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

2.6. Xây dựng, trình HĐQT phê duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư hàng năm của Công ty; vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;

2.7. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

2.8. Từ chối thực hiện quyết định của HĐQT nếu thấy những quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của ĐHĐCĐ;

2.9. Đề nghị HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT;

2.10. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

2.11. Tuyển dụng, bố trí sử dụng lao động theo quy định của Công ty và pháp luật; quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh khác thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của Luật Lao động và Điều lệ Công ty;

2.12. Ủy quyền cho các cán bộ quản lý khác thực hiện quyền hạn của mình;

2.13. Ký kết hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

2.14. Đề nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

2.15. Được quyền quyết định những biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn ..., báo cáo ngay cho HĐQT và chịu trách nhiệm về các quyết định này;

2.16. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của HĐQT.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

### **Điều 35: Thư ký Công ty**

1. HĐQT bổ nhiệm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
  - 3.1. Chuẩn bị các cuộc họp của ĐHĐCĐ và HĐQT; tư vấn về thủ tục của các cuộc họp ĐHĐCĐ và HĐQT; tham dự và ghi biên bản các cuộc họp; đảm bảo các nghị quyết HĐQT phù hợp với luật pháp;
  - 3.2. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - 3.3. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
  - 3.4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
  - 3.5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - 3.6. Đôn đốc, phối hợp với các phòng, ban và chủ trì thực hiện các báo cáo của Công ty; thực hiện công bố thông tin đúng quy định;
  - 3.7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.
4. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36: Thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu. BKS có nhiệm kỳ tối đa 05 năm và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. BKS có thể được ĐHĐCĐ bầu lại vào Đại hội cổ đông tiếp theo.
2. Thành viên BKS phải có đủ những tiêu chuẩn sau đây:
  - 2.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
  - 2.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người quản lý khác;
  - 2.3. Là kiểm toán viên hoặc kế toán viên; không giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; không là thành viên hay nhân

viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

2.4. Am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm quản lý kinh doanh;

2.5. Có hiểu biết pháp luật;

2.6. Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

3. Đề cử thành viên BKS:

3.1. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được quyền đề cử 01 ứng cử viên có đủ tiêu chuẩn theo quy định để bầu vào BKS. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Nếu số cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì họ được phép đề cử một 01 ứng cử viên; nếu từ 30% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết họ được đề cử 02 ứng cử viên; từ trên 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 03 ứng cử viên;

3.2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. BKS bầu một trong số các thành viên làm Trưởng BKS. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS có các quyền, trách nhiệm sau:

4.1. Triệu tập cuộc họp BKS;

4.2. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;

4.3. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

5. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

5.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại mục 2 Điều này;

5.2. Mất năng lực hành vi hoặc năng lực pháp lý và các thành viên khác của BKS có bằng chứng chuyên môn chứng minh thành viên đó mất năng lực hành vi;

5.3. Không tham gia các cuộc họp của BKS trong thời gian 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

5.4. Thành viên BKS xin từ chức bằng văn bản và gửi HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội cổ đông gần nhất. Trưởng BKS muốn từ chức phải được các thành viên còn lại nhất trí.

6. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau

6.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

6.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

6.3. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

7. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng kiểm soát viên giảm so với quy định thì ĐHĐCĐ phải bầu bổ sung trong Đại hội cổ đông gần nhất.

8. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề xuất của HĐQT. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS. Thành viên của BKS được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc thực thi các hoạt động khác của BKS. Phương tiện làm việc và ngân quỹ cần thiết cho hoạt động của Kiểm soát viên và việc xét thưởng cho họ do ĐHĐCĐ ấn định theo kết quả sản xuất kinh doanh. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

### **Điều 37: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty.

1.2. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

1.3. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

1.4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 3 Điều 15 Điều lệ này nhưng không xen vào công việc quản trị và điều hành hoạt động của Công ty.

1.5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 3 Điều 15 Điều lệ Công ty, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.6. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động của Công ty.

1.7. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.8. Có quyền tham dự, tham gia thảo luận và chất vấn tại các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty nhưng không được quyền biểu quyết.

1.9. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.10. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Tổng giám đốc Công ty;

1.11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

1.12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Thư ký Công ty phải bảo đảm toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT phải được cung cấp cho BKS vào cùng thời điểm cung cấp cho HĐQT.

## CHƯƠNG VIII

### TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

**Điều 38: Trách nhiệm của thành viên của HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty**

Tất cả các thành viên của HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, mẫn cán, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

001  
ÔN  
CỔ Đ  
KH  
'NS'  
S Đ

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và Người quản lý khác có được phải hoàn trả cho Công ty.

**Điều 39: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của pháp luật.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm công ty mẹ-công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.
6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
  - 6.1. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều

hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

6.2. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

6.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty: Cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Thành viên thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 40: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, BKS, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

2.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

2.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

23c  
T  
HÀN  
HÀ  
ĐE  
T.P

## CHƯƠNG IX CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

### **Điều 41: Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM**

Tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên CSHCM trong Công ty hoạt động theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty thừa nhận và tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động trong Công ty.

### **Điều 42: Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải xây dựng quy chế, kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, lương, bảo hiểm, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý cũng như mối quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc thiết lập mối quan hệ hài hòa, ổn định và tạo mọi điều kiện để người lao động trong Công ty được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động; có trách nhiệm tạo điều kiện để các tổ chức chính trị của Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý và người lao động trong Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, chấp hành các nội quy, quy chế, quy định của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người quản lý và người lao động.
4. Công đoàn là tổ chức đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và tập thể người lao động, có trách nhiệm tổ chức để người lao động thực hiện quyền được biết, được tham gia, được kiểm tra, giám sát và được quyết định những vấn đề trực tiếp liên quan đến người lao động.
5. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo đúng quy định.

## CHƯƠNG X CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

### **Điều 43. Các đơn vị trực thuộc và Công ty con, Công ty liên kết của Công ty**

1. Công ty có thể thành lập các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán, tổ chức nhân sự của Công ty theo quy định tại Quy chế quản lý và tổ



chức hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc Công ty xây dựng và trình HĐQT Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty; có con dấu theo mẫu dấu của Công ty; được ký kết các hợp đồng, chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính theo sự phân cấp của Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của đơn vị hạch toán phụ thuộc được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị này.

3. Công ty con, Công ty liên kết của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành về loại hình Công ty đó.

4. Tên gọi của các Công ty con phải phù hợp với tên gọi của Công ty, mang đặc trưng ngành nghề và văn hoá của Công ty. Tên giao dịch phải thể hiện được thương hiệu của Công ty theo quy định thống nhất. Quy định này cũng thể hiện tại các văn bản giấy tờ giao dịch, bì thư, bảng hiệu, trang trí tại các hội nghị.

#### **Điều 44. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty con, Công ty liên kết**

1. Người đại diện phần vốn góp của Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1.1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là người của Công ty;

1.2. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ;

1.3. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;

1.4. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;

1.5. Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong HĐQT, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp;

1.6. Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp được cổ phần hoá.

2. Người đại diện tham gia ứng cử vào HĐQT, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Người đại diện phần vốn góp của Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

3.1. Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại Công ty con, Công ty liên kết. Có trách nhiệm sử dụng quyền của

cổ đông, thành viên có vốn góp chi phối để định hướng Công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Công ty;

3.2. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó và theo hướng dẫn của Công ty;

3.3. Theo dõi và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết;

3.4. Thực hiện chế độ báo cáo HĐQT, Tổng giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp chi phối;

3.5. Xin ý kiến HĐQT, Tổng giám đốc theo phân cấp trước khi tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ, tại cuộc họp HĐQT hoặc Hội đồng thành viên của Công ty con về: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn;

3.6. Chịu trách nhiệm trước HĐQT Công ty về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở Công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp.

Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty.

4. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của HĐQT Công ty đó và theo quy chế quản lý phần vốn góp của Công ty.

## CHƯƠNG XI PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### **Điều 45: Cổ tức và phân phối lợi nhuận**

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty hàng năm theo mức do HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ thông qua.

Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

2. Công ty trả cổ tức khi có đủ các điều kiện sau đây:

2.1. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2.2. Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

2.3. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định Pháp luật. Hình thức chi trả cổ tức và mức cổ tức do ĐHĐCĐ thường niên quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT Công ty.

Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- 3.1. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
  - 3.2. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, sổ Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
  - 3.3. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;
  - 3.4. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
  - 3.5. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
  - 3.6. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. HĐQT có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty. Trừ các loại cổ phần có kèm theo quyền hoặc các loại cổ phần có các điều kiện phát hành quy định khác, cổ tức sẽ được chi trả theo tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.
5. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG XII**  
**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH**  
**VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

**Điều 46: Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

**Điều 47: Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (năm Dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Điều 48: Chế độ kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.
4. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình HĐQT, BKS xem xét.
5. HĐQT và BKS có trách nhiệm trình ĐHĐCĐ các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:
  - 5.1. Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh báo cáo tài chính;
  - 5.2. Báo cáo thẩm tra của BKS về báo cáo tài chính;
  - 5.3. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty;
  - 5.4. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức v.v....

**Điều 49: Kiểm toán**

1. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
2. Trong trường hợp thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho đơn vị Kiểm toán sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Đơn vị Kiểm toán kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình HĐQT trong vòng 02 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Báo cáo kiểm toán của đơn vị Kiểm toán phải được đính kèm với Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

### CHƯƠNG XIII

#### BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

##### **Điều 50: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán ( trong trường hợp Công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

##### **Điều 51: Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### CHƯƠNG XIV

#### CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

##### **Điều 52: Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

*Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 4/2018 tại Hà Nội*

- 1.1. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - 1.2. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;
  - 1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định và nghị quyết về việc giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

**Điều 53: Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 01 thành viên do HĐQT chỉ định từ đơn vị Kiểm toán độc lập.
2. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
3. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.
4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - 5.1. Chi phí thanh lý;
  - 5.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty;
  - 5.3. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
  - 5.4. Các khoản vay (nếu có);
  - 5.5. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - 5.6. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Trong đó các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

**CHƯƠNG XV  
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 54: Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa: (a) 01 cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty và (b) 01 cổ đông hoặc nhiều cổ đông với HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng 06 tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT sẽ là đại diện trước pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật, Toà án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan. Quyết định của Toà án có thẩm quyền là chung thẩm và ràng buộc các bên phải thực hiện.

## **CHƯƠNG XVI BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 55: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ Công ty hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ Công ty thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

### **Điều 56: Ngày hiệu lực**

1. Điều lệ này bao gồm 16 chương, 56 điều. Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội nhất trí thông qua ngày 08 tháng 4 năm 2016 tại Thành phố Hà Nội và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

## **CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**

**Phạm Công Dũng**

**Đặng Trọng Khuynh**

**Lê Thanh Hải**

**Vũ Khắc Hoàng**

